

# SỨ MỆNH VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

• PGS. TS. MẠC VĂN TRANG

## 1. Sứ mệnh của người giáo viên chủ nhiệm (GVCN)

Trong nhà trường phổ thông, GVCN có sứ mệnh (mission) và vai trò (role) đặc biệt quan trọng. Các nhà quản lí và bản thân người GVCN nhận thức rõ điều đó sẽ có ý nghĩa cơ bản đối với sự thành bại của công tác chủ nhiệm lớp. Sứ mệnh của GVCN lớp đó không phải là những quy định về chức năng, nhiệm vụ, mục đích... một cách lí trí lạnh lùng, tẻ nhạt mà là sự diễn đạt bằng trí tuệ cảm xúc điều tâm huyết, cô đọng nhất về **lí do tồn tại** của người GVCN trong nhà trường phổ thông.

Mỗi nhà quản lí cũng như mỗi GVCN có thể tự xác định sứ mệnh của người GVCN theo cách của mình nhưng đó phải là những điều quan trọng nhất, chỉ rõ:

- GVCN vì lí do gì, vì cái gì, vì ai?
- GVCN sẽ đem lại hi vọng gì cho học sinh (HS) và những người liên quan?
- GVCN bằng cách nào để đạt được hi vọng đó?

Nếu là một GVCN, theo tôi, sứ mệnh của mình như sau: *Các em HS cần có tôi. Tôi sẽ cùng các em xây dựng một tập thể lớp biết thương yêu nhau và có kỉ luật tự giác; trong đó mỗi cá nhân đều được tôn trọng, đối xử công bằng và tự do phát triển theo các giá trị Chân, Thiện, Mĩ, Ích. Tôi sẽ vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không ngừng học hỏi để thực hiện ngày một tốt hơn các vai trò của một GVCN, xứng đáng với các em HS, CMHS và nhà trường đã đặt niềm tin vào tôi.*

Mỗi GVCN tâm huyết với nghề, với nhiệm vụ của mình đều có thể diễn đạt được sứ mệnh của mình một cách độc đáo, ý nghĩa và thú vị. Điều quan trọng là người GVCN khi tự xác định, tuyên bố sứ mệnh sẽ khiến họ có ý thức sâu sắc về nhiệm vụ của mình một cách tự giác, bằng cả lí trí và tình cảm, lương tâm, trách nhiệm. Nhận thức về sứ mệnh là một quá trình. Sau một thời gian, qua những trải nghiệm trong công tác này, người GVCN có thể nhận thức rõ hơn công việc, tuyên bố lại sứ mệnh rõ hơn, hay hơn... Không sao cả, quan trọng là người GVCN ngày càng tổng kết, rút ra những kinh nghiệm cụ thể cho công tác chủ nhiệm nhẹ nhàng hơn mà hiệu quả hơn; đồng thời khái quát lên sứ mệnh cũng như triết lí về công tác chủ nhiệm lớp một cách sâu sắc hơn.

Vì vậy, tự xác định, tự tuyên bố sứ mệnh của mình là điều quan trọng, giúp cho người GVCN vừa có tầm nhìn khái quát vừa thấy cốt lõi của nhiệm

vụ, vừa tăng thêm động lực, bản lĩnh tự tin cho toàn bộ hoạt động công tác chủ nhiệm của mình.

## 2. Vai trò của người GVCN

Ngày nay, dấu truyền thống tôn sư trọng đạo đã mai một dần trước các làn sóng văn minh hiện đại thì vị trí của người GV trong tâm thức, văn hoá người Việt vẫn ở một nấc thang khá cao, được kính trọng. Vị trí đó là một trong những tiền đề thuận lợi để người GVCN thực hiện các vai trò của mình. Người GVCN có nhiều vai trò và mỗi người có thể xác định theo những cách khác nhau. Người GVCN theo chúng tôi có một số vai trò chủ yếu sau đây:

**2.1. GVCN trước hết là nhà chuyên môn tin cậy trong môn học dạy cho HS.** GVCN mà dạy kém, HS không tin tưởng thì không thể có uy tín, cho dù GV đó có nuông chiều, tranh thủ cảm tình của HS như thế nào. Bởi vì động cơ, mục đích đi học của HS là lĩnh hội tốt các môn học để tiến bộ chứ không vì cái gì khác. GVCN không chỉ biết dạy tốt môn học do mình phụ trách mà còn biết hướng dẫn phương pháp học tập có hiệu quả cho HS. Tất nhiên, không GVCN nào biết được mọi điều, nhưng một khi hiểu rõ vai trò của mình thì họ sẽ biết cách làm thế nào để đạt được điều đó (chẳng hạn, mời GV, HS, phụ huynh HS (PHHS) có kinh nghiệm hướng dẫn cho lớp...). GVCN không dạy hết các môn nhưng lại có trách nhiệm về kết quả học tập chung của cả lớp, biết được kết quả học tập của mỗi HS để có hướng tổ chức bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS kém là vai trò của GVCN. Với vai trò này, đòi hỏi GVCN trước hết phải là người có trình độ chuyên môn, giảng dạy từ loại trung bình khá trở lên. Thực tế là, có GV giỏi về chuyên môn nhưng làm GVCN lại yếu và ngược lại, có GV chưa dạy giỏi nhưng làm công tác GVCN lại tốt. Nghĩa là người GVCN còn cần thực hiện tốt nhiều vai trò nữa.

**2.2. GVCN là nhà giáo dục,** có vai trò định hướng, tổ chức, thúc đẩy sự phát triển nhân cách HS theo mục đích, mục tiêu giáo dục. Đó cũng là mong đợi của HS, PHHS và toàn xã hội. Vai trò này rất phức tạp, khó khăn, nhất là trong bối cảnh xã hội ngày nay. Thực chất đây là **trách nhiệm công dân** của nhà giáo, vì xét đến cùng, giáo dục phổ thông chính là hình thành nhân cách người công dân đáp ứng những mong đợi của xã hội. Do đó, đòi hỏi người GVCN phải là một công dân tốt và biết cách truyền dạy cho HS những phẩm chất của một công dân, của con người bình thường trong xã

hội, và rộng hơn của một công dân quốc tế trong thời đại toàn cầu hoá. Tất nhiên, trách nhiệm đó là của cả nền giáo dục, của nhà trường, nhưng GVCN trước hết là người dẫn dắt, đồng viên, điều chỉnh... cho HS của lớp mình hướng đến những giá trị đó. Có thể, GVCN gặp được một tập thể HS thuận lợi, họ không cần cố gắng nhiều mà "tự nhiên" từ nhân cách, lối sống của họ toát ra một sự cảm hoá đối với tập thể lớp và sự hình thành nhân cách công dân của HS diễn ra thuận lợi; ngược lại, nhiều GVCN rất vất vả, khó khăn trong việc thực hiện vai trò này.

**2.3. GVCN là người điều phối** các lực lượng giáo dục tác động đến HS của lớp. Trước hết, GVCN có vai trò điều phối GV dạy các môn học của lớp mình. Để tạo sự đồng thuận trong yêu cầu giáo dục HS, xây dựng nền nếp học tập, sinh hoạt của lớp...; phối hợp với các lực lượng giáo dục khác ở trong nhà trường, phối hợp với PHHS theo kế hoạch giáo dục cũng như trong việc giải quyết các tình huống sự phạm bất thường. GVCN không nên coi PHHS như là lực lượng đối trọng hay một sức ép phải đối phó, mà cần đưa PHHS thành những cộng tác viên đắc lực, đứng về phía mình để cùng chăm lo xây dựng một tập thể lớp theo như tuyên bố trong sự mệnh. PHHS là một lực lượng rất quan trọng hỗ trợ cho công tác giáo dục HS của lớp cho nên GVCN cần biết tận dụng một cách hợp lí, hiệu quả. GVCN cũng là người điều phối các hoạt động, sinh hoạt của HS trong lớp một cách hài hoà, hợp lí, tập trung vào mục tiêu phát triển nhân cách HS, chứ không để các hoạt động tự phát, hỗn độn, đi chệch hướng...

**2.4. GVCN là người cố vấn.** Để xây dựng được một tập thể HS biết tự quản, GVCN phải từ người trực tiếp làm mẫu, rồi cầm tay chỉ việc và lùi dần trở thành người cố vấn cho các cán bộ HS tự quản, tự làm việc được. GVCN từ chỗ trực tiếp quản lí, vất vả sẽ dần "nhàn hơn" để chuyển trọng tâm vào những vai trò quan trọng hơn, trở thành người cố vấn tin cậy và gần gũi để các em có thể chia sẻ, nhờ tư vấn, giúp đỡ cho cả cá nhân lẫn nhóm HS về những điều các em vướng mắc trong cuộc sống. Đó có thể là khó khăn trong học tập, là những mâu thuẫn, xung đột giữa các HS; là việc vượt qua những khó khăn do hoàn cảnh gia đình; là các mối quan hệ tình bạn, tình yêu tuổi học trò; là việc sẽ lựa chọn ngành nghề gì... Có biết bao nhiêu vấn đề HS cần tư vấn, người GVCN không thể biết tất cả, nhưng nếu thấy rõ vai trò cố vấn của mình thì sẽ có cách để làm được mọi điều. Đối với các em HS THCS và THPT, vai trò cố vấn của GVCN là hết sức quan trọng và cần thiết. GVCN không làm được vai trò này, HS sẽ phải tìm kiếm tư vấn từ các nguồn khác. Vậy là người GVCN mất đi một vai trò quan trọng của mình và HS sẽ xa cách

họ hơn...

### **2.5. GVCN là người đại diện cho HS, cha mẹ HS và nhà trường**

Vai trò này có khi không nổi rõ nhưng đôi khi lại rất cấp thiết. Có thể nêu lên một vài trường hợp làm ví dụ:

- Giờ ra chơi, một số HS của lớp 8A đã sang lớp 8B gây chuyện, xô xát nhau, các GV, bảo vệ phải can thiệp để hai lớp trở lại trật tự nhưng không khí trong mỗi lớp vẫn rất căng thẳng, sôi sục... Chưa rõ nguyên nhân ra sao, nhưng GVCN lớp 8A đã **thay mặt HS lớp 8A** sang xin lỗi lớp 8B, xin lỗi các thầy cô, nhân viên bảo vệ, xin lỗi nhà trường. Sau đó, cô mới bình tĩnh làm việc với lớp. Cô đã đóng vai trò thay mặt cho tập thể lớp và cô đã nhận trách nhiệm như câu tục ngữ dân gian "con dại, cái mang". Bản thân cách ứng xử đó đã là giáo dục. Những việc xử lí tiếp theo sẽ nhẹ nhàng;

- GVCN **thay mặt nhà trường** phổ biến cho phụ huynh HS những chủ trương, quy chế của nhà trường; thay mặt nhà trường đi liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị hữu quan để phối hợp giáo dục HS. (Viện Bảo tàng, đơn vị quân đội, nhà hát...);

- Lớp đi tham quan, một HS phải vào bệnh viện cấp cứu, GVCN phải **thay mặt phụ huynh HS** để kí vào giấy cam kết giải phẫu cấp cứu, vì nếu chậm sẽ nguy cho tính mạng HS...

- Khi GVCN lên nhận giải thưởng về công tác chủ nhiệm lớp xuất sắc cũng là đại diện cho cả tập thể lớp để nhận vinh dự cho tất cả HS của mình.

Tóm lại, vai trò đại diện thường xảy ra trong nhiều tình huống không mong muốn, nhưng cũng có lúc đại diện một cách vinh dự. Có điều, dù trường hợp nào người GVCN thực hiện tốt vai trò của mình, sẽ đều có tác dụng giáo dục tích cực đến HS.

### **3. Đổi mới quản lí để GVCN thực hiện tốt sứ mệnh và các vai trò**

Dù người GVCN có đủ những điều kiện chủ quan đáp ứng yêu cầu, nhưng nếu cơ chế quản lí không tạo điều kiện thuận lợi thì họ cũng không thể thực hiện được sứ mệnh và các vai trò của mình. Từ góc nhìn của người GVCN, có thể nêu một số khuyến nghị sau đây:

**3.1. Cần có Luật Giáo viên** hay một văn bản tương đương trong đó quy định thật rõ ràng sứ mệnh, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người GVCN trong trường phổ thông một cách thật cụ thể để họ căn cứ vào đó thực thi công tác của mình mà không sợ những sức ép vô lí, những quy định không hợp lí của một cấp quản lí nào đó... Khi người GVCN căn cứ vào Luật để làm công việc của mình, họ sẽ tự tin, độc lập, có bản lĩnh tự chịu trách nhiệm cao để hoàn thành nhiệm vụ.

**3.2. Các nhà quản lí nhất là hiệu trưởng** cần hiểu rõ sứ mệnh, vai trò, tầm quan trọng của người GVCN, tôn trọng và tạo cho họ tính độc lập, tự chủ sáng tạo, tự chịu trách nhiệm cao trong công việc của mình. Mỗi người GVCN và mỗi lớp có những đặc điểm riêng không nên áp đặt các biện pháp đồng loạt, đánh giá thi đua máy móc như nhau. Hiện có quá nhiều những quy định chông chéo đôi khi rất vụn vặt, ôm đồm, đổ lên đầu người GVCN. Có tình trạng “tân quan, tân chính sách”, mỗi nhà quản lí mới lên muốn khẳng định mình, ghi dấu ấn của mình, lại đưa ra những quy định mới, tiêu chuẩn mới, có khi phản khoa học, phản giáo dục, gây trở ngại, làm nản lòng những GVCN có bản lĩnh và tâm huyết. Rõ ràng, cần quy định cấp nào được đề ra những quy định bắt buộc người GVCN phải thực hiện.

**3.3. Bộ GD&ĐT** (trước hết là Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lí cơ sở giáo dục) cần nghiên cứu về vị trí, sứ mệnh, vai trò của người GVCN, về loại lao động đặc biệt của GVCN trong trường phổ thông để có chính sách đảm bảo cho họ thực hiện tốt sứ mệnh và các vai trò của mình.

Bộ cần có một trang Web hay chuyên mục về GVCN để phổ biến những thông tin mới về công tác GVCN và để các GVCN chia sẻ kinh nghiệm, phản ánh thông tin nhiều chiều về công việc khó khăn, phức tạp và hết sức quan trọng trong trường phổ thông hiện nay.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Thị Dung, *Trí tuệ xúc cảm của giáo viên chủ nhiệm lớp THCS*, Luận án TS, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội, 2008.
2. Lê Văn Hồng (chủ biên), *Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm*, ĐHSP Hà Nội, 1995.
3. Nguyễn Thạch, Phạm Thành Nghị, *Tâm lí học sư phạm đại học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1992.
4. Mạc Văn Trang, *Xã hội học giáo dục* (Chương nhà giáo), Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội., 2007.
5. Đăng Triều, *Thử thách lòng yêu nghề*, Trang Web Trung tâm hỗ trợ giáo viên, 30/1/2009.

**SUMMARY**

*Addressing the issues of class teachers in school, the author talks about 1/ mission of class teacher, 2/ role of class teacher (subject teacher and students personality forming educator, advisor, councilor), 3/ proposals for changing the roles of class teachers.*

**GIÁ TRỊ KINH TẾ...**

(Tiếp theo trang 13)

học sinh, dẫn đến kết quả thu được không tương xứng với việc đầu tư và công sức bỏ ra.

**5. Kết luận**

Tuy nhiều kiến thức sách vở và kĩ năng khác của người học thu được trong nhà trường dường như thoát li với yêu cầu của thực tế sản xuất, nhưng văn bằng của giáo dục vẫn là công cụ cực kì quan trọng chuyển tải thông tin đến đơn vị tuyển dụng. Những thông tin này không chỉ làm giảm giá thành đào tạo lại cho nhà tuyển dụng, mà quan trọng hơn là giúp người lao động có được một chỉ số EQ nhất định, đây chính là giá trị mà nhà tuyển dụng cần tìm.

Giá trị của giáo dục chính là kết quả của quá trình đào tạo trong nhà trường, trong việc giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng những kĩ năng nhận thức và chỉ số EQ. Chỉ số EQ chính là nhân tố quyết định năng suất lao động và hiệu quả sản xuất thực của người lao động. Từ đó có thể kết luận: giá trị kinh tế của giáo dục là chỉ số EQ với những giá trị nâng cao tố chất của người lao động, đáp ứng nhu cầu xã hội, nhu cầu nhà tuyển dụng.

Trường đào tạo nghề cần nghiên cứu chương trình, phương pháp giảng dạy các môn chuyên ngành, làm sao thông qua việc đào tạo nghề chuyển tải, bồi dưỡng được giá trị quan cho người học, đáp ứng được yêu cầu về chất lượng người lao động của nền kinh tế và xã hội.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Tiền Trí Dũng (Trung Quốc), *Phân tích kinh tế đối với giáo dục*, Luận án tiến sĩ Trường Đại học Cát Lâm Trung Quốc, 2006.
2. Phạm Tiên Hựu (Trung Quốc) chủ biên, *Kinh tế học giáo dục*, NXB Đại học Nhân dân Trung Quốc, 2007.

**SUMMARY**

*The author presents some issues on economic values of education based on the economic perspective, through solving the relations between education – productivity - incomes.*